

khởi đầu những bước tiến mạnh mẽ
when powerful advances commence

khởi đầu những bước tiến mạnh mẽ
when powerful advances commence

2005

báo cáo thường niên
ANNUAL REPORT



khởi đầu những bước tiến mạnh mẽ
when powerful advances commence



Thư chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm phát triển toàn diện và thành công thương hiệu



Ông Phạm Tuấn

Thưa quý vị

Với những thắng lợi sau 10 năm phát triển ổn định 1994-2004, năm 2005 Ngân hàng Quân đội (MB) đã có được sự tăng trưởng toàn diện ở tất cả các lĩnh vực được đề ra trong mục tiêu của chương trình cải tổ 2004 - 2008. Đó là việc tập trung cao cho chiến lược phát triển nguồn nhân lực, đổi mới công nghệ, mở rộng kinh doanh, đa dạng hoá sản phẩm, nâng cao chất lượng dịch vụ, xây dựng thương hiệu, tạo lập văn hoá công ty, tăng cường hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước, phát triển nguồn lực tài chính với phương châm tăng trưởng, chất lượng và công khai minh bạch...

Những kết quả đạt được trong hoạt động kinh doanh năm 2005 là một minh chứng hết sức sinh động cho những thành công của MB trong lộ trình tái cơ cấu để tồn tại và phát triển bền vững, cụ thể:

- So với năm 2004, năm 2005 vốn chủ sở hữu tăng 31,5%, vốn huy động tăng 42%, tổng tài sản đạt 8.214 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 148,7 tỷ đồng, tăng 40,5%... Như vậy, năm 2005 MB có sự tăng trưởng gấp hai lần so với năm 2003.
- Các hoạt động đầu tư, liên doanh liên kết, hoạt động của các công ty trực thuộc đã có những chuyển biến hết sức tích cực và bước đầu có

được những thành công, đặc biệt cuối năm 2005 MB đã có được một danh mục đầu tư rất khả quan, các loại cổ phiếu, trái phiếu trong danh mục đều được chọn lựa và có mức tăng trưởng khá.

- Cơ sở hạ tầng kiểm soát rủi ro đang từng bước được hoàn thiện, các hoạt động kiểm tra kiểm soát, kiểm toán nội bộ được coi trọng và hoạt động ngày càng hiệu quả hướng tới một chuẩn mực an toàn, tuân thủ, công khai và minh bạch.

Cùng với kết quả kinh doanh tăng trưởng vượt bậc, năm 2005 MB đã triển khai hàng loạt chương trình phục vụ cho yêu cầu phát triển, đầu tư năng lực kinh doanh. Đó là từng bước chuyển dịch theo mô hình quản lý tập trung, hình thành hội sở, sở giao dịch đi đôi với phát triển mạng lưới kinh doanh, đầu tư phương tiện, tăng cường an ninh. Đến cuối năm 2005, ngoài trên 300 ngân hàng đại lý thuộc 56 quốc gia đảm bảo giao dịch thanh toán với tất cả các châu lục, MB đã có 25 chi nhánh, phòng giao dịch, 2 công ty trực thuộc và hội sở chính được chuyển về Tòa nhà Ngân hàng Quân đội tại số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội. Đồng thời, đã triển khai hàng loạt các dự án, chương trình hợp tác nằm trong mục tiêu phát triển 2005-2010. Chỉ tính riêng những tháng cuối năm 2005, nhiều cam kết, thoả thuận giữa MB và đối tác trong và ngoài nước đã được ký kết, góp

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUÂN ĐỘI

phần nâng cao vị thế của MB trên thị trường tài chính. Trong đó, nổi bật phải kể đến các đối tác uy tín như Tổng Công ty Viễn thông quân đội, Ngân hàng Citibank, Temenos Thụy Sĩ...

Nhận rõ vị trí trọng yếu của chiến lược phát triển nguồn nhân lực, ngoài việc tuyển dụng bổ sung trên 200 cán bộ nhân viên có kinh nghiệm, MB đã liên tục tổ chức các chương trình đào tạo nhằm nâng cao năng lực chuyên nghiệp cho cán bộ nhân viên, chú trọng bố trí sắp xếp nhân sự, không ngừng cải thiện các chính sách đối với người lao động, chăm lo văn hoá ngân hàng với phương châm vững vàng – hợp tác – tin cậy.

Ngoài những hoạt động nêu trên, năm 2005 Ngân hàng đã có một bước đi quan trọng trong việc đầu tư tăng năng lực kinh doanh với những sự kiện: khánh thành toà nhà hội sở chính, nâng cấp chi nhánh Điện Biên Phủ, đầu tư đổi mới phương tiện làm việc, tăng cường hệ thống an ninh, khai trương hội sở, sở giao dịch, các chi nhánh Hoàn Kiếm, Đống Đa, Tây Hồ (Hà Nội), Gò Vấp (TPHCM), Vĩnh Trung (Đà Nẵng), Ngô Quyền (Hải Phòng)... Đồng thời Ngân hàng đã tuyển dụng bổ sung trên 200 cán bộ nhân viên có kinh nghiệm, các sinh viên tốt nghiệp có chất lượng cao ở trong và ngoài nước, góp phần bổ sung quan trọng vào nguồn nhân lực cho Ngân hàng.

Với những kết quả đạt được trong năm 2005 và trong suốt 11 năm qua, MB đã đưa ra những mục tiêu đầy tham vọng nhưng rất hiện thực cho năm 2006: đạt tốc độ tăng trưởng toàn diện từ 20% đến 40% so với năm 2005, đảm bảo tốt yêu cầu về tăng trưởng, an toàn và hiệu quả. Trong đó, MB phấn đấu tăng tổng tài sản lên 11.500 tỷ đồng, tổng vốn huy động tăng 31%,

dư nợ tăng 29,7% trong năm 2006. Ngoài ra, MB còn có kế hoạch tăng vốn chủ sở hữu lên tối thiểu 1.000 tỷ đồng vào cuối năm 2006; xem xét tìm kiếm một định chế tài chính có uy tín để bổ sung vào danh sách cổ đồng chiến lược và thành lập Công ty Quản lý Quỹ. MB cũng sẽ mở thêm 15 chi nhánh và phòng giao dịch mới tại các địa bàn quan trọng như Hà Nội, Hải Phòng, Huế, Đà Nẵng, Quy Nhơn, TPHCM, Cần Thơ...

Thưa quý vị.

Chúng tôi hiểu rằng những kết quả mà MB có được là bắt nguồn từ sự nhất trí cao trong quản trị điều hành, sự ủng hộ tích cực, hiệu quả của các cơ quan hữu quan, lòng tin cùng sự hợp tác của hàng vạn khách hàng, của quý vị cổ đông, đặc biệt là những đóng góp có ý nghĩa và vô cùng quan trọng của cán bộ nhân viên MB. Vững tin ở chiến lược phát triển đúng đắn, tự hào về năng lực dồi dào, dựa trên tinh thần đoàn kết nhất trí cao của tập thể cán bộ nhân viên, tin rằng MB tiếp tục gặt hái thành công, xứng đáng với sự yêu mến, tin tưởng và kỳ vọng của Quý vị.

Xin trân trọng cảm ơn!

Chủ tịch Hội đồng quản trị
Phạm Tuấn

2005

28.03

Khánh thành tòa nhà Hội sở Ngân hàng
Quân đội, khai trương Sở giao dịch

2005

09.04

Đại hội cổ đông, bầu HĐQT và
Ban kiểm soát mới

2005

15.08

Tăng vốn điều lệ

2005

04.11

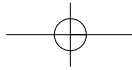
Kỷ niệm 11 năm thành lập

2005

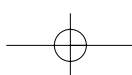
16.11

Tăng vốn điều lệ





Những dấu mốc quan trọng trong năm
thứ 11 khẳng định cho những bước phát
triển về chiều rộng lẫn chiều sâu của MB



2005

18.10

Thỏa thuận ba bên giữa MB, Vietcombank và Viettel

2005

21.11

Mở rộng quan hệ hợp tác giữa Công ty chứng khoán Thăng Long với Golden Bridge (Hàn Quốc)

2005

16.12

Thỏa thuận mở rộng quan hệ hợp tác với Citibank





Mở rộng hợp tác với nhiều đối tác uy tín trong nước và quốc tế góp phần nâng cao vị thế của MB trên thị trường tài chính, tiền tệ

Những kết quả hoạt động chủ yếu năm 2005



ông Lê Văn Bé

Đây là năm MB hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kế hoạch đặt ra với mức tăng trưởng cao nhất từ trước tới nay. Tổng tài sản của ngân hàng đạt 8.214 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 148,7 tỷ đồng. Với mức lợi nhuận này, MB trở thành ngân hàng có mức lợi nhuận bình quân đầu người cao nhất trong khối ngân hàng cổ phần

Đối diện khó khăn, phát huy thuận lợi

Năm 2005, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục tăng trưởng với tốc độ cao là 8,4%/năm, bất chấp rất nhiều khó khăn thách thức đến cả từ trong nước và nước ngoài. Bên cạnh các yếu tố thuận lợi như sự phục hồi của các nền kinh tế lớn, đồng USD lấy lại đà tăng trưởng so với các đồng tiền chủ chốt sau 3 năm liên tục giảm giá... thì các yếu tố không thuận lợi tác động phải kể đến giá dầu tăng liên tục với tốc độ hiếm thấy trong lịch sử, lạm phát tại các nền kinh tế lớn và tình hình

thiên tai, lũ lụt nặng nề tại Việt Nam và nhiều nơi trên thế giới... Tuy nhiên, các chỉ tiêu kinh tế xã hội nhìn chung đạt được kế hoạch đề ra với mức tăng trưởng khá cao. Đối với hệ thống các NHTMCP trong nước, năm 2005 đã chứng kiến sự phát triển cả về quy mô, chất lượng và hiệu quả. Cùng với chính sách quản lý điều hành kịp thời và hợp lý của Ngân hàng nhà nước, các NHTMCP đã có nhiều hoạt động tích cực để nâng cao hiệu quả hoạt động như tăng vốn điều lệ, mở rộng mạng lưới, ứng dụng công nghệ mới vào hoạt động, tăng cường hợp tác với các đối tác chiến lược... Chính vì

vậy, kết quả kinh doanh của các ngân hàng năm 2005 đều khả quan, cổ phiếu của hầu hết các NHTMCP đô thị hấp dẫn nhà đầu tư với giá giao dịch trên thị trường OTC cao hơn rất nhiều so với mệnh giá ban đầu. Nhiều Ngân hàng có quy mô tăng trưởng tài sản tới 50% - 79% so với năm 2004.

Và... thành công

Với sự phát triển thuận lợi của nền kinh tế, cùng với những nỗ lực không ngừng của mình, bám sát chiến lược đổi mới đã được Hội đồng quản trị thông qua cho giai đoạn phát triển 2004-2008, MB cũng đạt được thành công trên tất cả các lĩnh vực hoạt động trong năm 2005. Đây là năm MB hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kế hoạch đặt ra với mức tăng trưởng cao nhất từ trước tới nay. Tổng tài sản của Ngân hàng đạt 8.214 tỷ, lợi nhuận đạt 148,7 tỷ đồng. Với mức lợi nhuận này, MB đã trở thành ngân hàng có mức lợi nhuận bình quân đầu người cao nhất trong khối các ngân hàng cổ phần. Đặc biệt, năm 2005 cũng chứng kiến những chuyển biến thực sự trong chiến lược đổi mới, đầu tư phát triển nguồn nhân lực, công nghệ, năng lực quản lý, cơ sở vật chất và mạng lưới hoạt động của MB. Năm 2005 cũng là một năm thành công của thương hiệu MB với việc đoạt giải Thương hiệu mạnh năm 2005 do Thời báo kinh tế phối hợp với Cục xúc tiến thương mại (Bộ Thương mại) tổ chức. Đồng thời, MB đã xây dựng được một vị thế vững chắc đối với các đối tác và khách hàng, mở ra một thời kỳ phát triển mạnh về dịch vụ của MB trong tương lai. Với những kết quả đạt được rất khả quan, MB đã ngày càng nâng cao đời sống cho cán bộ nhân viên, đảm bảo quyền lợi của cổ đông với mức cổ tức

là 21,5% (18% bằng tiền mặt và 3,5% bằng cổ phiếu) cho năm tài chính 2005 và hoàn thành tốt nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước.

Kết quả hoạt động năm 2005

Huy động vốn của MB được Ngân hàng Nhà nước đánh giá cao trên thị trường liên ngân hàng

Tính đến 30/12/2005, tổng nguồn vốn huy động của MB đạt 7.046,68 tỷ, tăng 42,8% so với đầu năm, bằng 117,4% kế hoạch năm. Cơ cấu huy động vốn tiếp tục được đảm bảo theo chiều hướng tốt. Trong đó, lượng vốn huy động được từ dân cư tăng trưởng khá, tăng 160% so với đầu năm. Đây là một kết quả có được từ những thành công của hai chương trình “Tiết kiệm dự thưởng” và “Tiết kiệm có thưởng” và rất nhiều nỗ lực nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng cường quảng bá hình ảnh, thương hiệu của MB. Trong năm 2005, MB còn tham gia khá tích cực trên thị trường liên ngân hàng với mục đích kinh doanh để thu lợi nhuận và nâng cao được tính thanh khoản. Những kết quả đạt được của MB trên thị trường liên ngân hàng đã được Ngân hàng nhà nước (NHNN) đánh giá cao.

Với kết quả như vậy, tổng tài sản của MB đến 31/12/2005 đạt 8.214 tỷ, tăng 20,75% so với đầu năm. Tỷ lệ an toàn vốn của Ngân hàng đạt trên 8% theo đúng quy định của NHNN.

Từ sử dụng vốn hiệu quả đến nâng cao chất lượng tín dụng

Tổng dư nợ cho vay đến 31/12/2005 của MB là 4.470,2 tỷ, tăng 13,97% so với đầu năm, phù hợp với mục tiêu tập trung nâng cao chất lượng tín dụng kết hợp tái cơ cấu các khoản

Đặc biệt, năm 2005 cũng chứng kiến sự chuyển biến thực sự trong chiến lược đổi mới, đầu tư phát triển nguồn nhân lực, công nghệ, năng lực quản lý, cơ sở vật chất và mạng lưới hoạt động

nợ. Trong năm, MB đã làm đầu mối thành công trong nhiều dự án đồng tài trợ với các Ngân hàng, đẩy mạnh cho vay doanh nghiệp vừa và nhỏ và tăng nhanh tỷ trọng tín dụng bán lẻ.

Chất lượng tín dụng của MB có nhiều tiến bộ, tỷ lệ nợ quá hạn năm 2005 là 1,68%. MB đã triển khai thực hiện nghiêm chỉnh Quyết định 493 về phân loại và trích lập dự phòng rủi ro của NHNN, tích cực thu hồi nợ đọng và kết quả đạt được rất khả quan.

Dịch vụ tăng trưởng cao với những chuyển biến tích cực

1. Hoạt động bảo lãnh

Hoạt động bảo lãnh của MB trong năm 2005 vẫn tiếp tục đạt được tốc độ tăng trưởng cao, đóng góp nhiều lợi nhuận cho MB. Tổng số dư bảo lãnh đến 30/12/05 đạt 1.330 tỷ đồng, tăng 14,3% so với năm 2004. Doanh số bảo lãnh tăng mạnh mà chất lượng của hoạt động bảo lãnh vẫn được đảm bảo. Kể từ khi cung cấp dịch vụ, MB vẫn chưa phải thực hiện một nghĩa vụ bảo lãnh nào. Tổng phí bảo lãnh thu được tăng

45,26% so với cùng kỳ năm trước, góp phần đưa MB trở thành Ngân hàng có phí bảo lãnh thu được cao nhất trong hệ thống các NHTMCP.

2. Hoạt động kinh doanh vốn và ngoại tệ

Trong năm, với việc đưa Khối Treasury vào hoạt động, việc quản lý vốn và kinh doanh tiền tệ của MB đã có những kết quả rất đáng ghi nhận. Nhìn chung, khối Treasury đã đảm trách khá tốt việc điều hoà vốn giữa các chi nhánh, quản lý chặt chẽ dự trữ bắt buộc, cơ cấu lại tài khoản Nostro và kinh doanh ngoại tệ phục vụ khách hàng và để kiếm lời. Đồng thời, MB đã tham gia tích cực vào hoạt động cầm cố, chiết khấu giấy tờ có giá, tham gia thị trường mở, được NHNN đánh giá cao. Trong năm 2005, hoạt động kinh doanh vốn và ngoại tệ đã mang lại cho MB lợi nhuận bằng 120% kế hoạch đề ra cho cả năm và tăng gấp 2 lần so với năm 2004.

Quan hệ giao dịch interbank của MB trong năm qua đã được triển khai tích cực thông qua việc MB mở rộng và tăng cường mối quan hệ với tất cả các định chế tài chính hoạt động hiệu quả tại VN và MB được các đối tác cấp tăng hạn mức giao dịch interbank tăng từ 2-5 lần so với năm 2004.



Với những kết quả hoạt động về quản lý vốn và kinh doanh ngoại tệ, MB đã được vinh dự là một trong số ít các Ngân hàng Thương mại Việt Nam được NHNN Trung ương - Vụ Quản lý ngoại hối cho phép thử nghiệm cung cấp sản phẩm “Quyền lựa chọn bằng Đồng Việt Nam” với các khách hàng.

3. Hoạt động thanh toán quốc tế

Tổng kim ngạch thanh toán xuất nhập khẩu cả năm của MB đạt 691 triệu USD. Tuy các L/C không có giá trị lớn như năm trước nhưng số lượng khách hàng và giao dịch lại tăng nhanh, vì vậy doanh thu tăng 65% so với cùng kỳ năm trước.

Hoạt động quan hệ quốc tế cũng có nhiều chuyển biến tích cực và ngày càng có uy tín. Hiện nay, MB đã thiết lập được quan hệ đại lý với 350 ngân hàng ở khắp các khu vực trên thế giới, đảm bảo việc thanh toán nhanh chóng, an toàn, thuận lợi, chính vì vậy lần thứ 2 liên tiếp MB được nhận giải thưởng “Dịch vụ thanh toán toàn cầu và Quản lý vốn năm 2005” do ngân hàng HSBC trao tặng, đồng thời đã được một số ngân hàng lớn nâng hạn mức tín dụng xác nhận L/C cao hơn nhiều lần so với năm 2004.

4. Hoạt động kinh doanh thẻ

Tính đến cuối năm 2005, hoạt động dịch vụ thẻ MB đang từng bước đi vào ổn định, doanh số thanh toán tăng cao đồng thời đã thu hút được một lượng tiền gửi đáng kể từ dân cư, đặc biệt thẻ MB đã góp phần tăng thêm tiện ích thu hút ngày càng nhiều khách hàng đến với MB.

Với mục tiêu đa dạng hoá và nâng cao chất

lượng sản phẩm thẻ, MB đang tích cực hoàn thiện đề án, ổn định tổ chức, đầu tư thiết bị, công nghệ, bổ sung nhân lực, mở rộng quan hệ hợp tác để mở ra một thời kỳ phát triển mới đối với hoạt động dịch vụ thẻ của MB bắt đầu từ cam kết hợp tác giữa VCB – Viettel – MB.

5. Hoạt động đầu tư

Tính đến 30/12/2005, tổng số vốn góp, liên doanh, cổ phần là 51,01 tỷ đồng (chưa kể 47,27 tỷ đồng trái phiếu VCB). Hoạt động góp vốn đầu tư mua cổ phần đảm bảo tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước và của Ngân hàng và hầu hết các chương trình trong hạng mục đầu tư đã bắt đầu mang lại lợi nhuận cho MB.

Việc xây dựng cơ sở vật chất mở rộng kinh doanh đã được triển khai rất tích cực, đó là tập trung hoàn thiện toà nhà Hội sở, nâng cấp chi nhánh Điện Biên Phủ, đầu tư để khai trương các chi nhánh, phòng giao dịch mới, mua sắm thêm trang thiết bị phục vụ cho mở rộng kinh doanh. Các dự án đầu tư tăng năng lực hoạt động cho MB đang được triển khai theo kế hoạch được phê duyệt.

Đề án đổi mới cho những phát triển bền vững

Năm 2005, MB tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động đổi mới theo lộ trình của Kế hoạch chiến lược đã được HĐQT thông qua về mô hình tổ chức, triển khai các giải pháp chiến lược xây dựng cơ sở hạ tầng quản lý rủi ro với mục tiêu nhằm đưa MB trở thành một trong những Ngân hàng TMCP hàng đầu của VN trên mảng thị trường đã lựa chọn, cụ thể như sau:

Năm 2005 cũng là một năm thành công của thương hiệu MB với việc đoạt giải Thương hiệu mạnh năm 2005 do Thời báo Kinh tế phối hợp với Cục xúc tiến thương mại tổ chức



1. Đổi mới mô hình tổ chức

Thực hiện mô hình quản lý tập trung, đề cao vai trò hoạt động của các Ủy ban cao cấp, hoàn thiện một số chức năng nhiệm vụ, bổ sung nhân sự cho các phòng ban Hội sở; tách bạch hoạt động quản lý và kinh doanh trong toàn hệ thống; thực hiện sắp xếp, phân cấp quản lý đối với các chi nhánh theo Quyết định 888 của Ngân hàng nhà nước. Đồng thời, MB cũng hoàn thiện mô hình hoạt động tài chính, thành lập các Khối theo đề án tổ chức đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.

2. Quản trị hệ thống công nghệ thông tin

Trong năm 2005, MB đã hoàn thành đánh giá thực trạng, xây dựng chiến lược và các giải pháp triển khai lựa chọn xong nhà cung cấp phần mềm corebanking là tập đoàn Temenos-Thụy Sĩ. Đồng thời, MB thực hiện cơ cấu từng bước về tổ chức quản lý để vừa đảm bảo việc triển khai thành công dự án CNTT, vừa đảm bảo cho hệ thống eBank phục vụ tốt nhu cầu quản lý hệ thống.

3. Phát triển nguồn nhân lực

Trên cơ sở mô hình tổ chức đã được xác định, MB đã tập trung đề bạt, sắp xếp, bổ sung, tuyển dụng mới lực lượng cán bộ quản lý các cấp, từ

ban điều hành đến giám đốc, phó giám đốc các chi nhánh, các phòng giao dịch. Đây là một đội ngũ trẻ, có năng lực được sắp xếp phù hợp vì thế đã góp phần tạo sự chuyển biến tích cực trong hệ thống quản lý của Ngân hàng. Cùng với việc bổ sung cán bộ quản lý, Ngân hàng đã tổ chức tuyển dụng gần 200 nhân viên cho toàn hệ thống, nâng tổng số lao động từ 500 lên 711 người vào cuối năm 2005.

Về hoạt động đào tạo, MB đã tổ chức và cử trên 726 lượt cán bộ tham gia trên 32 khoá học và hội thảo tại Ngân hàng và tại các trung tâm trong và ngoài nước. Nhìn chung, các khoá học này đều có chất lượng tốt, đáp ứng được nhu cầu bổ sung kiến thức, nâng cao trình độ nghiệp vụ của cán bộ nhân viên trong toàn hệ thống.

Cùng với việc tuyển dụng, đào tạo, MB luôn luôn chăm lo đến một chính sách lao động nhất quán, kịp thời khuyến khích người lao động, đó là cơ sở để MB đã xây dựng được cho mình một tập thể cán bộ nhân viên tâm huyết, sáng tạo, luôn nỗ lực vì sự phát triển của Ngân hàng.

4. Phát triển mạng lưới

Trong năm 2005, MB đã khánh thành Tòa nhà trụ

sở Ngân hàng, khai trương Sở giao dịch, Chi nhánh Gò Vấp trực thuộc Hội sở, 03 chi nhánh cấp II, 02 Phòng giao dịch. Tính đến 31/12/2005, MB có 25 chi nhánh và phòng giao dịch đã được đi vào hoạt động và chuẩn bị xong điều kiện để khai trương 3 điểm giao dịch vào đầu năm 2006.

5. Công tác truyền thông và quan hệ công chúng

Năm 2005, MB đã tổ chức thành công nhiều sự kiện quan trọng, tích cực đưa tin về các hoạt động của MB trên các báo, trang web, tăng cường tiếp xúc với các cơ quan báo chí. Đồng thời, MB cũng chuẩn hoá lại các biển hiệu cho chi nhánh, nâng cấp trang web militarybank.com.vn, góp phần tăng cường giới thiệu hình ảnh của MB một cách hiện đại và chuyên nghiệp hơn, thu hút được ngày càng nhiều sự quan tâm của công chúng và mang lại nhiều kết quả thiết thực cho hoạt động kinh doanh đặc biệt là trong lĩnh vực huy động vốn.

Hoạt động của các công ty trực thuộc

1. Công ty Chứng khoán Thăng Long

Năm 2005 Công ty chứng khoán Thăng Long đã có



nhiều cố gắng đáng ghi nhận, cụ thể là hoạt động môi giới, lưu ký, tự doanh, tư vấn cổ phần hoá và đấu giá đều có mức tăng trưởng cao. Ngoài ra, công ty còn tích cực tham gia thị trường bảo lãnh phát hành trái phiếu, phát hành hơn 400 tỷ trái phiếu các loại. Lợi nhuận năm 2005 đạt 7,627 tỷ đồng và vượt 52,5% kế hoạch đề ra.

2. Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản

Tuy còn nhiều khó khăn về mô hình tổ chức, cơ chế quản lý và các hành lang pháp lý cho hoạt động kinh doanh nhưng công ty AMC đã thu nợ quá hạn đạt 124% kế hoạch, tập trung khai thác tốt các tài sản được bàn giao, quản lý, triển khai tích cực một số dự án tăng nguồn lực kinh doanh cho Ngân hàng. Các hoạt động liên quan đến dịch vụ du lịch hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra. Vì vậy đã góp phần làm lành mạnh tình hình tài chính của hệ thống, đóng góp tích cực vào thành công chung của Ngân hàng.

MB đã xây dựng được vị thế vững chắc đối với các đối tác và khách hàng, mở ra một thời kỳ phát triển mạnh mẽ về dịch vụ của MB trong tương lai

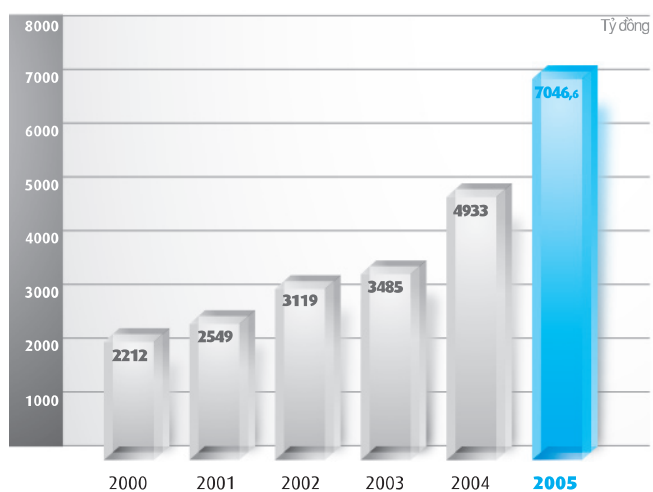
2005	14.04	Khai trương chi nhánh Gò Vấp
2005	07.06	Khai trương chi nhánh Vĩnh Trung
2005	15.07	Khai trương chi nhánh Tây Hồ
2005	26.07	Khai trương chi nhánh Đống Đa
2005	28.09	Khai trương chi nhánh Hoàn Kiếm
2005	19.12	Khai trương chi nhánh Ngô Quyền
2005	26.12	Khai trương Phòng Giao dịch Hoà Khánh
2005	26.12	Khai trương Phòng Giao dịch Láng Hạ



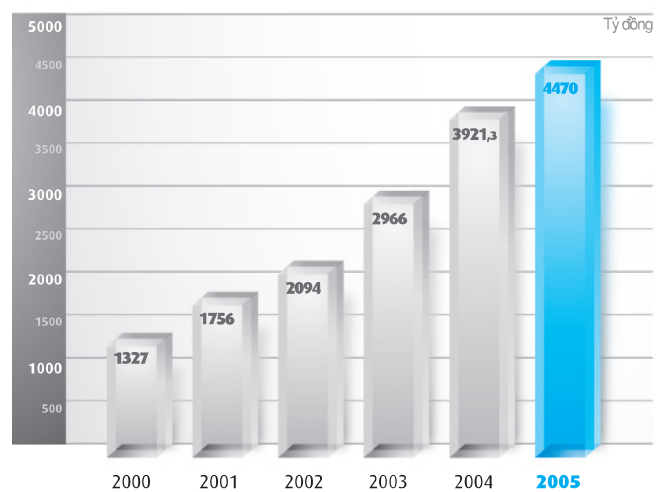
Không ngừng mở rộng mạng lưới chi nhánh góp phần tạo điều kiện giao dịch tốt nhất cho khách hàng, tạo thuận lợi cho việc trao đổi thương mại và hợp tác phát triển toàn diện của nền kinh tế xã hội

Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Tổng vốn huy động

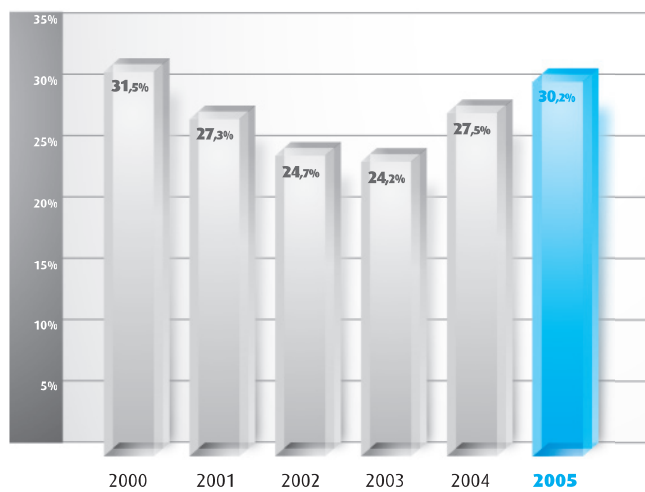


Tổng dư nợ

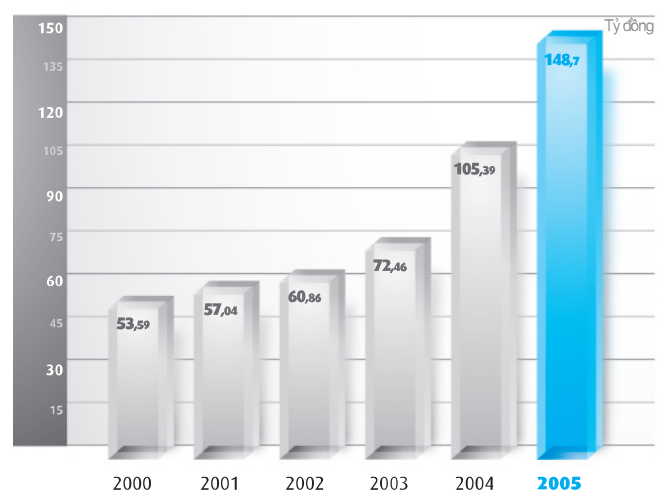


NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUÂN ĐỘI

R.O.E.



Lợi nhuận trước thuế



2005

05.09

Thăm và tặng quà cho các em học sinh trường
PTCS Xã Đàn nhân dịp khai giảng năm học mới

2005

16.09

Tổ chức Tết trung thu và tặng quà trẻ em là nạn
nhân chất độc da cam tại làng Hòa Bình - Thanh
Xuân





“Những món quà nhỏ bé nhưng ấm áp
nghĩa tình chính là tấm lòng tri ân của MB
đối với những đồng đội đã hy sinh trong thời
chiến hay những người còn phải chịu thiệt
thòi trong thời bình”

Phó tổng giám đốc MB, Lê Văn Minh

khởi đầu những bước tiến mạnh mẽ
when powerful advances commence

Báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

Thông tin về ngân hàng

TÊN GIAO DỊCH

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội
Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG

Số: 0054/NH-GP, ngày 14 tháng 9 năm 1994
Giấy phép hoạt động Ngân hàng do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam cấp và có thời hạn 50 năm kể từ ngày cấp

TRỤ SỞ

3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

CÔNG TY KIỂM TOÁN

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Hội đồng quản trị



Chủ tịch HĐQT
Ông Phạm Tuấn



Phó chủ tịch
Ông Lê Văn Bé



Phó chủ tịch
Ông Phạm Viết Thích



Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Bảo



Ủy viên
Ông Lê Văn Đạo



Ủy viên
Ông Đậu Quang Lĩnh



Ủy viên
Ông Phạm Gia Thọ

Ban Tổng giám đốc



Phó TGD
Ông Đỗ Văn Hưng

Phó TGD
Ông Đặng Quốc Tiến

TGD
Ông Lê Văn Bé

Phó TGD
Ông Lê Công

Phó TGD
Ông Lê Văn Minh

Ban kiểm soát



Trưởng Ban KS
Ông Nguyễn Đình Khâm



Thành viên BKS
Bà Lê Thị Đoàn

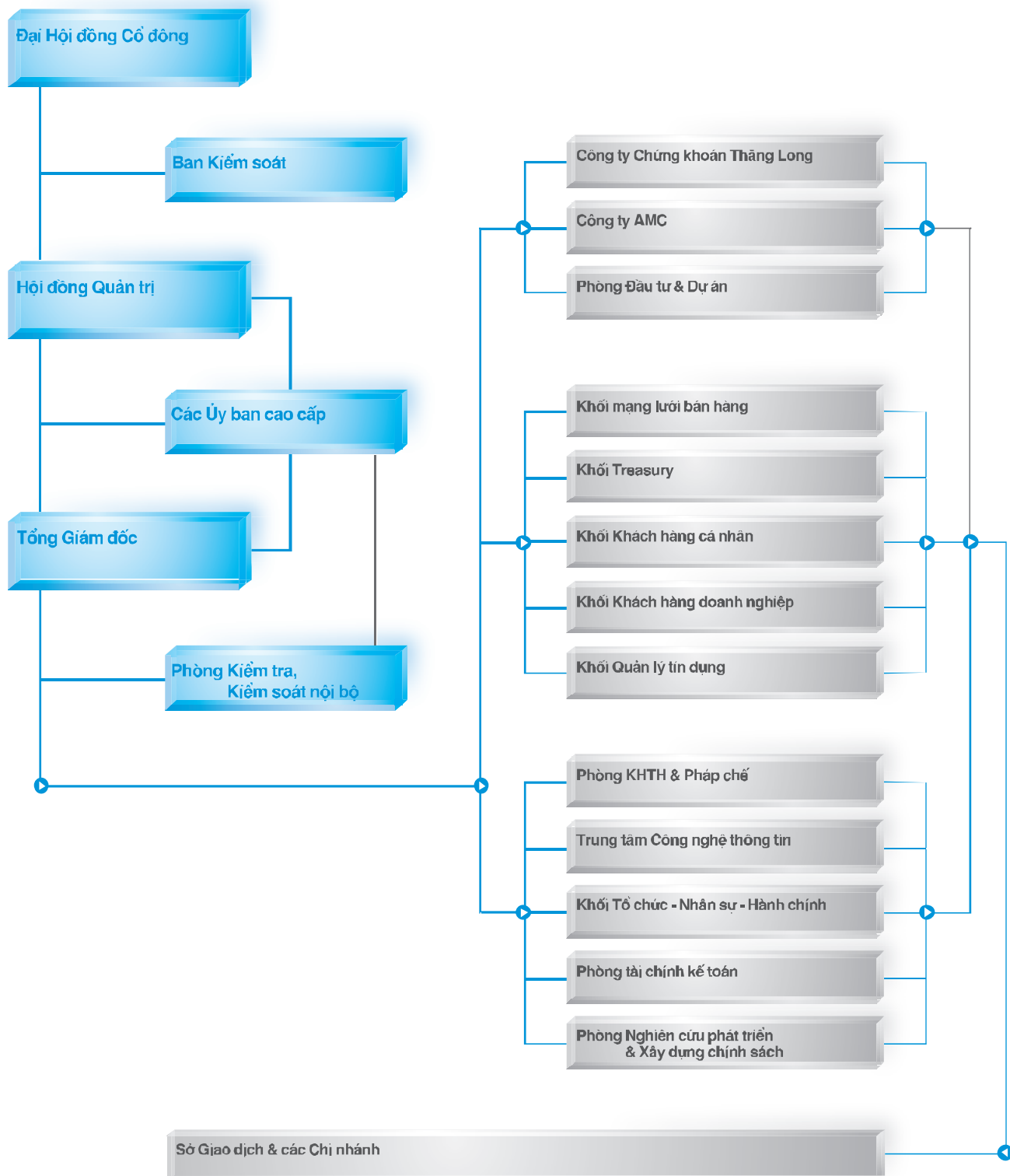


Thành viên BKS
Ông Nguyễn Xuân Trường



Thành viên BKS
Ông Nguyễn Tiến Hùng

Mô hình tổ chức ngân hàng



Báo cáo của kiểm toán viên độc lập

Gửi Hội đồng Quản Trị và Ban Giám đốc Ngân hàng
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán các báo cáo tài chính đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội (“Ngân hàng”) bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2005, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày, được trình bày từ trang 3 đến trang 24. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban lãnh đạo Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế được chấp thuận tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có những sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết trình trên báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc Ngân hàng, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội tại ngày 31 tháng 12 năm 2005, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp thuận rộng rãi tại Việt Nam.



Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Giấy phép đầu tư số 863/GP

Báo cáo kiểm toán số 05-02-109

Mark E. Jerome

Chứng chỉ kiểm toán viên

số 0628/KTV

Phó tổng giám đốc

Hà Nội

Hồ Việt Hà

Chứng chỉ kiểm toán viên

số 0676/KTV

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUÂN ĐỘI

Bảng cân đối kế toán

Ngày 31 tháng 12 năm 2005

Đơn vị: triệu VND	Thuyết minh	2005	2004
Tài sản			
Tiền mặt	20,21	89.390	67.411
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	3,20,21	118.460	93.572
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	4,20,21	2.951.282	2.571.529
Chứng khoán đầu tư	5,20	477.933	63.017
Cho vay và ứng trước cho khách hàng (*)	6,20	4.218.138	3.455.160
Các khoản đầu tư	7,20	123.302	95.156
Tài sản cố định	8	107.508	92.955
Tài sản khác	9	128.920	70.340
		8.214.933	6.509.140
Công nợ			
Tiền gửi và tiền vay từ các tổ chức tín dụng khác (*)	10,20	1.049.186	367.136
Tiền vay từ Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam	11,20	226.701	14.880
Các nguồn vốn vay khác	12,20	82.013	52.454
Tiền gửi của khách hàng	13,20	6.069.812	5.520.607
Dự phòng chung cho các cam kết phát hành		5.079	-
Các khoản phải trả khác	14	128.315	66.507
Dự phòng thuế phải trả	15	17.229	5.817
		7.578.335	6.027.401
Vốn điều lệ	16	450.000	350.000
Thặng dư vốn cổ phần	16	23.975	8.975
Lợi nhuận chưa phân phối		105.350	76.971
Các quỹ		57.273	45.793
		8.214.933	6.509.140
Các khoản mục ngoại bảng			
Thư tín dụng		2.867.480	5.991.381
Bảo lãnh		1.159.878	595.836
Các hợp đồng ngoại hối		111.655	-
Cam kết cho vay chưa giải ngân		275.996	Không có thông tin

(*) Số dư trên không bao gồm số dư nhận của các ngân hàng khác cho các khoản cho vay đồng tài trợ là 169.796 triệu đồng (năm 2004: 442.247 triệu đồng).

Phê duyệt bởi:

Lê Văn Bé
 Tổng giám đốc


Phạm Thị Tỷ
 Kế toán trưởng



Báo cáo kết quả kinh doanh 2005

Đơn vị: triệu VND

Thuyết minh	2005	2004
Thu nhập tiền lãi và các khoản thu nhập tương tự	476.461	301.772
Chi phí tiền lãi và các chi phí tương tự	(236.544)	(159.700)
Thu nhập tiền lãi ròng	239.917	142.072
Thu phí dịch vụ và hoa hồng	27.955	19.431
Chi phí dịch vụ và hoa hồng	(5.848)	(2.988)
Thu nhập phí dịch vụ và hoa hồng ròng	22.107	16.443
Thu nhập ròng từ kinh doanh ngoại hối	3.154	5.648
Thu nhập ròng từ hoạt động đầu tư	4.659	820
Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh khác	30.155	8.843
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh	299.992	173.826
Lương và các chi phí liên quan	(27.061)	(16.047)
Dự phòng các khoản cho vay và ứng trước khó đòi	6	(20.746)
Dự phòng chung cho các cam kết phát hành	(5.079)	-
Khấu hao và phân bổ tài sản cố định	8	(4.608)
Chi phí quản lý chung	(37.319)	(28.386)
Chi phí từ hoạt động kinh doanh	(151.377)	(69.787)
Lợi nhuận trước thuế	148.615	104.039
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	18	(28.656)
Lợi nhuận sau thuế	109.045	75.383

Phê duyệt bởi:

Lê Văn Bé
 Tổng giám đốc


Phạm Thị Tỷ
 Kế toán trưởng



NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUÂN ĐỘI

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu 2005

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Các quỹ	Tổng cộng
Đơn vị: triệu VND					
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2004	280.000	-	59.195	39.109	378.304
Phát hành cổ phiếu	70.000	8.975	-	-	78.975
Lợi nhuận ròng trong năm	-	-	75.383	-	75.383
Trích lập các quỹ	-	-	(11.758)	11.758	-
Phân chia cổ tức (xem Thuyết minh 19)	-	-	(44.651)	-	(44.651)
Sử dụng các quỹ trong năm	-	-	-	(5.222)	(5.222)
Các biến động khác	-	-	(1.198)	148	(1.050)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2005	350.000	8.975	76.971	45.793	481.739
Phát hành cổ phiếu	100.000	15.000	-	-	115.000
Lợi nhuận ròng trong năm	-	-	109.045	-	109.045
Trích lập các quỹ	-	-	(25.025)	25.025	-
Kết chuyển sang dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-	-	(2.377)	(2.377)
Phân chia cổ tức (xem Thuyết minh 19)	-	-	(55.518)	-	(55.518)
Sử dụng các quỹ trong năm	-	-	-	(11.014)	(11.014)
Các biến động khác	-	-	(123)	(154)	(277)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2005	450.000	23.975	105.350	57.273	636.598

Phê duyệt bởi:

Lê Văn Bé
Tổng giám đốc**Phạm Thị Tỷ**
Kế toán trưởng

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 2005

Đơn vị: triệu VND

Thuyết minh	2005	2004
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
Lợi nhuận trước thuế	148.615	104.039
Điều chỉnh cho các khoản:		
Khấu hao và phân bổ tài sản cố định	8 10.528	4.608
Dự phòng các khoản cho vay và ứng trước khó đòi (ròng)	68.636	19.182
Dự phòng chung cho các cam kết phát hành	5.079	-
(Lãi)/lỗ do thanh lý tài sản cố định	(11)	98
Lợi nhuận hoạt động trước những thay đổi về tài sản và công nợ hoạt động	232.847	127.927
(Tăng)/Giảm tài sản/công nợ hoạt động		
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	(463.549)	455.531
Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng	(831.614)	(782.920)
Tài sản khác	(58.580)	11.750
Tiền gửi từ các tổ chức tín dụng khác	682.050	(418.702)
Vay từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	211.821	-
Tiền gửi của khách hàng	549.205	2.752.210
Các nguồn vốn vay khác	29.559	5.630
Phải trả khác	59.727	34.386
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	411.466	2.185.812
Trả thuế thu nhập doanh nghiệp	(28.454)	(27.968)
Chi trả từ quỹ và các biến động khác	(11.137)	(6.272)
Lưu chuyển tiền ròng từ hoạt động kinh doanh	371.875	2.151.572
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
Mua chứng khoán đầu tư	(414.916)	-
Bán chứng khoán đầu tư	-	8.744
Mua cổ phần trong các công ty khác	(29.986)	(13.408)
Bán cổ phần trong các công ty khác	3.165	5.000
Tặng đầu tư vào các công ty con	(1.325)	(22.200)
Thu từ thanh lý tài sản cố định	11	52
Mua tài sản cố định	8 (25.081)	(69.896)
Lưu chuyển tiền ròng từ hoạt động đầu tư	(468.132)	(91.708)

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUẢN ĐÓI

Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

Phát hành cổ phiếu	16	115.000	78.975
Chi trả cổ tức cho cổ đông	19	(55.518)	(44.651)
Lưu chuyển tiền ròng từ hoạt động tài chính		59.482	34.324
Tăng ròng tiền và các khoản tương đương tiền		(36.775)	2.094.188
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	21	2.604.718	510.530
Chênh lệch tỷ giá từ đánh giá lại các công cụ phái sinh		(154)	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	21	2.567.789	2.604.718

Phê duyệt bởi:

Lê Văn Bé
Tổng giám đốc**Phạm Thị Tỷ**
Kế toán trưởng

Thuyết minh báo cáo tài chính

1

Các hoạt động chính

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội (“Ngân hàng”) là một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam theo giấy phép hoạt động Ngân hàng số 0054/NH-GP do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNNVN”) cấp ngày 14 tháng 9 năm 1994.

Các báo cáo tài chính của Ngân hàng phản ánh các hoạt động kinh doanh của Hội sở chính tại Hà Nội và các chi nhánh

tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng và Đà Nẵng. Hoạt động chính của Ngân hàng là cung cấp các dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính có liên quan ở Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2005, Ngân hàng có 711 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2004: 442 nhân viên).

2

Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Ngân hàng áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

a Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), làm tròn đến hàng triệu, được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam, có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế và các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được chấp nhận rộng rãi tại các quốc gia khác. Vì vậy, các báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng

lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi tại các quốc gia và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng các báo cáo này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam.

Các báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Ngân hàng áp dụng nhất quán các chính sách kế toán trong năm và cũng nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong năm trước ngoại trừ những thay đổi về chính sách kế toán được trình bày ở thuyết minh 2(f) và 2(j).

Ngân hàng sở hữu toàn bộ hai công ty con là Công ty Chứng

khoản Thăng Long và Công ty Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng Quân đội. Các công ty con này không được hợp nhất vào các báo cáo tài chính của Ngân hàng theo yêu cầu Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 - “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán đầu tư vào các công ty con”. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo nguyên giá vì Ban Lãnh đạo Ngân hàng cho rằng các khoản đầu tư này là không trọng yếu đối với Ngân hàng.

b Năm tài chính

Năm tài chính của Ngân hàng là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

c Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và công nợ có gốc tiền tệ khác với VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ phát sinh trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái quy định tại ngày giao dịch. Các chênh lệch tỷ giá hối đoái trong kỳ và đánh giá lại cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các cam kết theo các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn cuối kỳ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày lập báo cáo cân đối kế toán. Lãi/lỗ phát sinh từ việc đánh giá trên được ghi nhận vào tài khoản chênh lệch đánh giá lại trên báo cáo cân đối kế toán.

d Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi tại NHNNVN và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác có thời gian đáo hạn ban đầu dưới 90 ngày.

e Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư bao gồm chứng khoán do Chính phủ và các ngân hàng khác phát hành và các chứng khoán khác. Các loại chứng khoán được Ngân hàng nắm giữ nhằm mục đích thu lợi trong thời gian ngắn được phân loại là công cụ kinh doanh. Các loại chứng khoán mà Ngân hàng có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn được phân loại là

tài sản giữ tới ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư khác được phân loại là tài sản sẵn có để bán.

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Khi thích hợp, dự phòng giảm giá các khoản chứng khoán đầu tư được lập theo Nghị định 146/2005/NĐ-CP của Chính phủ.

f Cho vay và ứng trước

Theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 của NHNNVN, dự phòng cụ thể cần được lập cho các khoản cho vay và ứng trước trên cơ sở hàng quý dựa trên việc xếp hạng cho các khoản cho vay và ứng trước. Dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay và ứng trước tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán (ngày 31 tháng 12) được xác định dựa trên việc sử dụng các tỷ lệ dự phòng sau đây đối với khoản cho vay tại ngày 30 tháng 11 sau khi đã trừ đi giá trị tài sản thế chấp đã được xác định:

Nhóm	Tình trạng quá hạn	Tỷ lệ dự phòng
Nợ đủ tiêu chuẩn	Trong hạn	0%
Nợ cần chú ý	Quá hạn dưới 90 ngày hoặc trong hạn sau khi cơ cấu lại thời hạn trả nợ	5%
Nợ dưới tiêu chuẩn	Quá hạn từ 90 đến 180 ngày hoặc quá hạn dưới 90 ngày sau khi được cơ cấu lại	20%
Nợ nghi ngờ	Quá hạn từ 181 đến 360 ngày hoặc quá hạn từ 90 đến 180 ngày sau khi được cơ cấu lại	50%
Nợ có khả năng mất vốn	Quá hạn trên 360 ngày hoặc quá hạn trên 180 ngày sau khi được cơ cấu lại	100%

Ngân hàng cũng được yêu cầu phải trích lập và duy trì khoản dự phòng chung bằng 0,75% trên tổng dư nợ cho vay và ứng trước được phân loại từ Nhóm 1 đến Nhóm 4 và số dư của các khoản bảo lãnh, thư tín dụng và các cam kết cho vay không hủy ngang tại ngày 30 tháng 11 năm 2005. Khoản dự phòng chung này sẽ được lập đủ trong vòng 5 năm kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực. Tại ngày lập báo cáo cân đối kế toán, Ngân hàng đã trích lập dự phòng chung ở mức 0,15% trên tổng số dư trên tại ngày 30 tháng 11 năm 2005.

Cũng theo Quyết định này, các khoản cho vay và ứng trước được xử lý khi các khoản cho vay và ứng trước đã được

phân loại trong Nhóm 5 hoặc khi đối tượng vay (là tổ chức hay doanh nghiệp) bị phá sản, giải thể hay khi đối tượng vay (là cá nhân) bị chết hoặc mất tích.

Trước đây, theo Quyết định số 488/2000/QĐ-NHNN ngày 27 tháng 11 năm 2000 của NHNNVN, dự phòng nợ khó đòi được lập dựa trên tình trạng quá hạn của nợ gốc và lãi phải thu.

Không có khoản dự phòng chung nào được lập đối với rủi ro quốc gia, ngoại trừ quỹ dự trữ tài chính được lập theo yêu cầu của NHNNVN (Thuyết minh số 17).

g Tài sản cố định hữu hình

i Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

2 Giá trị hao mòn

Giá trị hao mòn được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhà cửa và hạ tầng cơ sở	28 năm
Thiết bị văn phòng	4 - 7 năm
Phương tiện vận chuyển	6 - 7 năm
Tài sản khác	5 năm

h Tài sản cố định vô hình

1 Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí phát sinh để mua quyền sử dụng đất chính thức. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất được tính dựa trên các chi phí phát sinh và giá trị đất được Nhà nước phê duyệt tại thời điểm mua. Quyền sử dụng đất không thời hạn sẽ không tính khấu hao và quyền sử dụng đất có thời hạn sẽ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 50 năm.

2 Phần mềm vi tính

Giá mua phần mềm vi tính mới, mà phần mềm vi tính này không phải là một bộ phận không thể tách rời của phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và được hạch toán như đối với tài sản cố định vô hình. Phần mềm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

i Ghi nhận doanh thu

Thu nhập được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp dồn tích.

j Thuế

Trong năm tài chính trước, thuế thu nhập doanh nghiệp trên số lãi hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng thuế suất đã được duyệt tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán.

Trong năm Ngân hàng đã áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 17 - Thuế thu nhập doanh nghiệp và chính sách kế toán về thuế của Ngân hàng đã được thay đổi như sau:

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên số lãi hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh trừ trường hợp nó liên quan đến các sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp đó các thuế thu nhập

này cũng được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản đã có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp công nợ bằng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị được sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ hiện thực được.

Sự thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng hồi tố cho việc lập các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 và các số liệu so sánh của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004, tuy nhiên không có ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu.

k Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

l Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong năm khi các chi phí này phát sinh.

m Các công ty quan

Các công ty liên quan bao gồm các nhà đầu tư, các công ty con và các công ty liên kết của nhà đầu tư.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng tham gia thực hiện các giao dịch với các bên liên quan (cổ đông, các công ty nhận vốn đầu tư từ Ngân hàng, Giám đốc và nhân viên của Ngân hàng, gia đình họ và các công ty do họ làm chủ) là các khách hàng của Ngân hàng trong năm. Các điều khoản của các giao dịch này được Ban Giám đốc Ngân hàng phê duyệt. Tuy nhiên, Ngân hàng không thuyết minh các bên liên quan và các giao dịch với các bên liên quan vì Ban Lãnh đạo Ngân hàng cho rằng các giao dịch này là không trọng yếu với các báo cáo tài chính của Ngân hàng.

n Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Theo các Thông tư số 07/2004/TT-BTC và 82/2003/TT-BTC của Bộ Tài chính, Ngân hàng phải lập dự phòng trợ cấp mất việc làm. Dự phòng hàng năm sẽ từ 1% đến 3% tổng quỹ lương. Trước đây, theo Nghị định 166/1999/NĐ-CP của Chính phủ, Ngân hàng phải trích lập Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm. Trong năm, số dư Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm đã được kết chuyển sang Dự phòng trợ cấp mất việc làm nằm trong các khoản phải trả khác trên báo cáo cân đối kế toán.

o Các khoản mục ngoại bảng

Trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, Ngân hàng có các cam kết ngoại bảng.

1 Các hợp đồng ngoại hối

Ngân hàng tham gia các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của Ngân hàng.

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết để mua hoặc bán một loại tiền tệ nhất định tại một ngày cụ thể được xác định trong tương lai theo một tỷ giá xác định trước và sẽ được

thanh toán bằng tiền mặt. Các hợp đồng hoán đổi là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa.

2 Các cam kết và công nợ chưa xác định

Tại bất cứ thời điểm nào Ngân hàng cũng có các cam kết cấp tín dụng chưa thực hiện. Các cam kết này ở dưới dạng các

khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. Ngân hàng cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh việc thực hiện hợp đồng của khách hàng đối với bên thứ ba. Nhiều khoản cam kết và công nợ chưa xác định sẽ đáo hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó các khoản cam kết và các khoản công nợ chưa xác định không phản ánh luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

3

Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Tiền gửi tại NHNNVN bao gồm số dư tiền gửi dự trữ bắt buộc và tài khoản vãng lai.

Theo quy định của NHNNVN về dự trữ bắt buộc, các ngân hàng được phép duy trì một số dư thả nổi tại tài khoản dự trữ bắt buộc. Số dư bình quân dự trữ bắt buộc hàng tháng phải không được thấp hơn 8% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2004: 8%), 2% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2004: 2%), 5%

(tại ngày 31 tháng 12 năm 2004: 5%), 2% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2004: 2%) tương ứng đối với số dư tiền gửi bình quân tháng trước bằng ngoại tệ với kỳ hạn dưới 12 tháng, bằng ngoại tệ với kỳ hạn từ 12 tháng đến 24 tháng, bằng Đồng Việt Nam với kỳ hạn dưới 12 tháng và bằng Đồng Việt Nam với kỳ hạn từ 12 tháng đến 24 tháng, được sử dụng làm cơ sở để tính quỹ dự trữ bắt buộc.

Đơn vị: triệu VND	2005	2004
VNĐ	117.451	64.223
Đô la Mỹ ("US\$")	1.009	29.349
	118.460	93.572

Lãi suất thực tế năm tại thời điểm cuối năm như sau:

Tiền gửi bằng VNĐ

Trong mức yêu cầu dự trữ bắt buộc	1,2%	1,2%
Ngoài mức yêu cầu dự trữ bắt buộc	0%	0%

Tiền gửi bằng US\$

Trong mức yêu cầu dự trữ bắt buộc	0%	0%
Ngoài mức yêu cầu dự trữ bắt buộc	1%	1%

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUẢN ĐÓI

4

Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác

Đơn vị: triệu VND

	2005	2004
Tiền gửi không kỳ hạn	225.601	267.162
Tiền gửi có kỳ hạn	2.725.681	2.304.367
	2.951.282	2.571.529
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác theo loại tiền tệ như sau:		
VNĐ	2.007.421	352.683
Ngoại tệ (chủ yếu là US\$)	943.861	2.218.846
	2.951.282	2.571.529

5

Chứng khoán đầu tư

Đơn vị: triệu VND

	2005	2004
Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn		
Trái phiếu chính phủ bằng Đô la Mỹ	47.739	47.217
Trái phiếu chính phủ bằng VNĐ	366.000	14.800
Công trái giáo dục	16.759	1.000
Trái phiếu Vietcombank	47.435	-
	477.933	63.017

6

Cho vay và ứng trước cho khách hàng

Đơn vị: triệu VND	2005	2004
Cho vay ngắn hạn	2.867.120	2.224.660
Cho vay trung và dài hạn	1.385.219	1.234.138
Các khoản cho vay và ứng trước khác	48.085	21.153
	4.300.424	3.479.951
Dự phòng các khoản cho vay và ứng trước khó đòi	(82.286)	(24.791)
	4.218.138	3.455.160

Các khoản cho vay ngắn hạn có kỳ hạn ban đầu dưới một năm. Các khoản cho vay trung hạn có kỳ hạn ban đầu từ 1 đến 5 năm. Các khoản cho vay dài hạn có kỳ hạn ban đầu trên 5 năm.

Đơn vị: triệu VND	2005	2004
Các khoản cho vay và ứng trước theo loại tiền tệ như sau:		
VNĐ	3.163.416	2.468.937
Ngoại tệ (chủ yếu là US\$)	1.137.008	1.011.014
	4.300.424	3.479.951

Số dư trên không bao gồm số dư nhận của các ngân hàng khác cho các khoản cho vay đồng tài trợ là 169.796 triệu VNĐ (năm 2004 là 442.247 triệu VNĐ) (xem Thuyết minh số 10).

Dự phòng cho các khoản vay và ứng trước cho khách hàng bao gồm:

Dự phòng chung	6.964	-
Dự phòng cụ thể	75.322	24.791
	82.286	24.791

Biến đổi trong dự phòng nợ khó đòi trong cho vay và ứng trước cho khách hàng như sau:

Số dư tại ngày 1 tháng 1	24.791	15.049
Trích lập dự phòng trong năm	71.390	20.746
Hoàn nhập dự phòng	(2.754)	(1.564)
Xử lý nợ trong năm	(11.141)	(9.440)
	82.286	24.791

7

Các khoản đầu tư

Đơn vị: triệu VND

	2005	2004
Đầu tư vào các công ty con (i)	72.225	69.900
Đầu tư góp vốn (ii)	51.077	25.256
	123.302	95.156

(i) Khoản này bao gồm các khoản đầu tư vào hai công ty con mà Ngân hàng sở hữu toàn phần là Công ty Chứng khoán Thăng Long và Công ty Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng Quân đội. Các khoản đầu tư này được thể hiện theo nguyên giá và không được hợp

nhất vào báo cáo tài chính của Ngân hàng do Ban lãnh đạo Ngân hàng cho rằng các khoản đầu tư này là không trọng yếu đối với Ngân hàng. Cổ tức được ghi nhận khi nhận được. Chi tiết của các khoản đầu tư này tại thời điểm cuối năm như sau:

Công ty Chứng khoán Thăng Long	43.000	43.000
Công ty Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng Quân đội	29.225	26.900
	72.225	69.900

(ii) Khoản này phản ánh khoản đầu tư góp vốn vào các tổ chức kinh tế tại Việt Nam, ghi nhận theo nguyên giá.

8

Tài sản cố định

Đơn vị: triệu VND

	2005	2004
Tài sản cố định hữu hình (i)	48.657	42.752
Tài sản cố định vô hình (ii)	58.851	50.203
	107.508	92.955

Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và cơ sở hạ tầng	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận chuyển	Tài sản khác	Tổng
Đơn vị: triệu VND					
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	31.727	17.034	6.528	3.733	59.022
Tăng trong năm	87	10.634	2.807	377	13.905
Kết chuyển	-	216	-	(216)	-
Thanh lý	-	(56)	(28)	-	(84)
Số dư cuối năm	31.814	27.828	9.307	3.894	72.843
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	4.066	7.400	3.429	1.375	16.270
Tăng trong năm	1.486	4.812	973	729	8.000
Thanh lý	-	(56)	(28)	-	(84)
Số dư cuối năm	5.552	12.156	4.374	2.104	24.186
Giá trị còn lại					
Số dư cuối năm	26.262	15.672	4.933	1.790	48.657
Số dư đầu năm	27.661	9.634	3.099	2.358	42.752

Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Tổng
Đơn vị: triệu VND			
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	47.246	2.957	50.203
Tăng trong năm	11.057	119	11.176
Số dư cuối năm	58.303	3.076	61.379
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	-	-
Tăng trong năm	1.576	952	2.528
Số dư cuối năm	1.576	952	2.528
Giá trị còn lại			
Số dư cuối năm	56.727	2.124	58.851
Số dư đầu năm	47.246	2.957	50.203

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUÂN ĐỘI

9

Tài sản khác

Đơn vị: triệu VND

	2005	2004
Lãi dự thu	31.694	11.701
Tạm ứng xây dựng trụ sở	58.876	42.661
Tạm ứng chi phí hoạt động	27.762	11.371
Các tài sản khác	10.588	4.607
	128.920	70.340

10

Tiền gửi và tiền vay từ các tổ chức tín dụng khác

	2005	2004
Tiền gửi không kỳ hạn	1.397	30.793
Tiền gửi có kỳ hạn	947.789	336.343
Vay từ các tổ chức tín dụng khác	100.000	-
	1.049.186	367.136

Tiền gửi và tiền vay từ các tổ chức tín dụng khác theo loại tiền tệ như sau:

VNĐ	977.237	346.180
Ngoại tệ (chủ yếu là US\$)	71.949	20.956
	1.049.186	367.136

Tiền gửi và tiền vay từ các tổ chức tín dụng khác không bao gồm số dư nhận của các ngân hàng khác cho các khoản cho vay đồng tài trợ là 169.796 triệu VNĐ (năm 2004: 442.247 triệu VNĐ) (xem Thuyết minh số 6).

11

Tiền vay từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Đơn vị: triệu VND	2005	2004
Các khoản vay theo thỏa thuận mua lại	146.701	-
Các khoản vay bằng việc cầm cố các giấy tờ có giá	80.000	-
Các khoản vay cho mục đích tài trợ đặc biệt	-	14.880
	226.701	14.880

12

Các nguồn vốn vay khác

Đơn vị: triệu VND	2005	2004
Tổng công ty Bảo hiểm Việt Nam (i)	47.739	47.217
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (ii)	34.274	5.237
	82.013	52.454

(i) Khoản này phản ánh khoản vốn ủy thác từ Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam dùng để đầu tư vào trái phiếu chính phủ. Tổng số vốn là 3.000.000 Đô la Mỹ, sẽ được hoàn trả khi trái phiếu đầu tư đáo hạn. Ngân hàng thay mặt Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam đầu tư vào trái phiếu chính phủ (xem Thuyết minh số 5). Ngân hàng được nhận khoản phí là 0,1% trên tổng số tiền ủy thác. Tiền lãi của khoản đầu tư này sẽ được trả cho Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam.

(ii) Khoản này thể hiện khoản vay từ Ngân hàng Thế Giới (thông qua Hiệp hội Phát triển Quốc tế) để hỗ trợ cho Dự

án Tài chính nông thôn II theo Hợp đồng tín dụng ký giữa NH Thế Giới và Bộ Tài Chính ngày 9 tháng 9 năm 2002 trong đó NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) là đơn vị thực hiện. Ngân hàng ký hợp đồng phụ với BIDV vào ngày 10 tháng 5 năm 2004 và ngày 16 tháng 7 năm 2005. Tổng số vốn từ BIDV là 50.000 triệu Đồng Việt Nam, sẽ được điều chỉnh hàng năm và lịch trả nợ tùy thuộc vào kỳ hạn của từng khoản vay hay từng nhóm các khoản vay, như đã được xác định trong hợp đồng. Ngân hàng trả lãi suất là lãi suất LIBOR 6 tháng cộng một khoản chênh lệch. Lãi suất này sẽ được điều chỉnh 6 tháng một lần.

13

Tiền gửi của khách hàng

Đơn vị: triệu VND	2005	2004
Tiền gửi không kỳ hạn	2.905.073	2.305.717
Tiền gửi tiết kiệm	2.327.827	1.454.440
Tiền gửi có kỳ hạn	319.955	301.364
Tiền gửi ký quỹ	516.544	1.458.689
Tiền gửi cho các mục đích đặc biệt khác	413	397
	6.069.812	5.520.607

Tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi tiết kiệm có thể được thanh toán theo yêu cầu và được hưởng mức lãi suất không cố định. Tiền gửi có kỳ hạn có lãi suất cố định và có kỳ hạn ban đầu là 3, 6, 12, 24 tháng. Các loại tiền gửi khác bao gồm tiền gửi chuyên dùng, tiền gửi ký quỹ, và tiền gửi đảm bảo thanh toán.

Tiền gửi của khách hàng theo loại tiền tệ như sau:

Đồng Việt Nam	3.958.120	2.360.084
Ngoại tệ (chủ yếu là US\$)	2.111.692	3.160.523
	6.069.812	5.520.607

Lãi suất thực tế năm tại thời điểm cuối năm như sau:

Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	2,40%	2,40%
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,40% - 1,25%	0,50% - 1,00%
Tiền gửi tiết kiệm bằng VNĐ	6,96% - 9,48%	5,60% - 8,64%
Tiền gửi tiết kiệm bằng ngoại tệ	1,00% - 5,00%	1,00% - 3,20%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	5,64% - 8,76%	5,60% - 8,60%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,90% - 1,90%	0,50% - 3,20%

14

Các khoản phải trả khác

Đơn vị: triệu VND	2005	2004
Lãi dự trả	55.748	32.937
Chi phí trích trước và các khoản phải trả khác	72.567	33.570
	128.315	66.507

15

Dự phòng thuế phải trả

Đơn vị: triệu VND	2005	2004
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.924	5.808
Các loại thuế khác	305	9
	17.229	5.817

16

Vốn điều lệ

Đơn vị: triệu VND	2005	2004
Số dư tại ngày 1 tháng 1	350.000	280.000
Cổ phiếu phát hành trong năm (i)	100.000	70.000
	450.000	350.00

(i) Trong năm, Ngân hàng đã phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ với tổng mệnh giá phát hành là 100.000 triệu VNĐ (2004: 70.000 triệu VNĐ). Thặng dư cổ phiếu khi phát

hành có giá trị 15.000 triệu VNĐ (2004: 8.975 triệu VNĐ) và đã được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần.

17

Các quỹ dự trữ

	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	Các quỹ khác	Tổng
Đơn vị: triệu VND					
Số dư tại ngày 1/1/2004	11.306	19.230	2.188	6.385	39.109
Trích lập trong năm	2.539	4.833	45	4.341	11.758
Sử dụng các quỹ trong năm	-	-	-	(5.222)	(5.222)
Các biến động khác	-	4	144	-	148
Số dư tại ngày 31/12/2004	13.845	24.067	2.377	5.504	45.793
Trích lập trong năm	3.841	7.299	-	13.885	25.025
Sử dụng các quỹ trong năm	-	-	-	(11.014)	(11.014)
Chuyển sang dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-	(2.377)	-	(2.377)
Các biến động khác	-	-	-	(154)	(154)
Số dư tại ngày 31/12/2005	17.686	31.366	-	8.221	57.273

Theo Nghị định số 146/2005/NĐ-CP do Chính phủ Việt Nam ban hành ngày 23 tháng 11 năm 2005, các ngân hàng phải

thực hiện việc trích lập các quỹ dưới đây trước khi phân phối lợi nhuận:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	Vốn điều lệ
Quỹ dự trữ sau đây được tính trên lợi nhuận sau thuế, và sau khi đã trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và các khoản lỗ lũy kế không được khấu trừ		
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận còn lại	25% vốn điều lệ

Việc trích lập các quỹ được thực hiện trong năm sau khi đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.

Quỹ dự phòng tài chính được sử dụng để bù đắp cho các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh. Quỹ dự trữ này cùng với quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ không được phân chia.

Theo Thông tư 07/2004/TT-BTC và Thông tư 82/2003/TT-BTC của Bộ Tài chính, các ngân hàng không phải trích lập Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm. Thay vào đó, các ngân hàng phải lập Dự phòng trợ cấp mất việc làm (Xem Thuyết minh 2(n)). Trong năm, số dư Quỹ trợ cấp mất việc làm được kết chuyển sang Dự phòng trợ cấp mất việc làm; khoản mục này nằm trong các khoản phải trả khác trên báo cáo cân đối kế toán.

18

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Đơn vị: triệu VND	2005	2004
Chi phí thuế hiện hành	37.724	28.901
Chi phí thuế hoãn lại	-	-
	37.724	28.901
Dự phòng thiếu/(thừa) các năm trước	1.846	(245)
Thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm	39.570	28.656

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất bằng 28% lợi nhuận trước thuế. Việc đối chiếu thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Lợi nhuận kế toán trước thuế	148.615	104.039
Trừ: thu nhập không chịu thuế - ròng	(13.885)	(820)
Lợi nhuận chịu thuế	134.730	103.219
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	28%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm	37.724	28.901

Bao gồm trong số dư thu nhập không chịu thuế - ròng là khoản tiền 9.898 triệu VND là khoản thu nhập từ đầu tư vào trái phiếu chính phủ. Theo ý kiến của Ban lãnh đạo Ngân hàng, khoản này được coi là thu nhập không chịu

thuế cho mục đích tính thuế.

Việc tính thuế TNDN phụ thuộc vào sự kiểm tra và chấp thuận của các cơ quan thuế.

19

Phân chia cổ tức cho các nhà đầu tư

Đơn vị: triệu VND	2005	2004
Cổ tức đã được duyệt	27.620	24.901
Tạm ứng cổ tức	27.898	19.750
	55.518	44.651

20

Kỳ đáo hạn của các tài sản và công nợ

Bảng dưới đây trình bày phân tích tài sản và công nợ tài chính của Ngân hàng theo các nhóm kỳ đáo hạn tương ứng tính theo thời hạn gốc tính đến ngày phải thanh toán. Trên thực tế, kỳ đáo hạn thực tế của các tài sản và công nợ tài chính có thể khác với kỳ hạn trên hợp đồng do có những giao ước bằng lời giữa các bên và những phụ lục đính kèm hợp đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2005

Kỳ đáo hạn của những tài sản và công nợ tài chính

	Không kỳ hạn	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
Đơn vị: triệu VND					
Tài sản tài chính					
Tiền mặt tại quỹ	89.390	-	-	-	89.390
Tiền gửi tại NHNNVN	118.460	-	-	-	118.460
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	225.601	2.607.490	118.191	-	2.951.282
Chứng khoán đầu tư	-	-	477.933	-	477.933
Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng (gộp)	-	2.867.121	1.144.814	288.489	4.300.424
Các khoản đầu tư (gộp)	-	-	51.077	72.225	123.302
	433.451	5.474.611	1.792.015	360.714	8.060.791
Công nợ tài chính					
Tiền gửi và tiền vay từ các tổ chức tín dụng khác	1.397	923.691	124.098	-	1.049.186
Tiền vay từ NHNNVN	-	226.701	-	-	226.701
Các nguồn vốn vay khác	-	-	82.013	-	82.013
Tiền gửi của khách hàng	3.424.644	1.997.722	647.364	82	6.069.812
	3.426.041	3.148.114	853.475	82	7.427.712

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2004**Kỳ đáo hạn của những tài sản và công nợ tài chính**

	Không kỳ hạn	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
<i>Đơn vị: triệu VND</i>					
Tài sản tài chính					
Tiền mặt tại quỹ	67.411	-	-	-	67.411
Tiền gửi tại NHNNVN	93.572	-	-	-	93.572
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	267.162	2.304.367	-	-	2.571.529
Chứng khoán đầu tư	-	-	63.017	-	63.017
Cho vay và ứng trước cho khách hàng (gộp)	-	2.224.659	827.790	427.502	3.479.951
Các khoản đầu tư (gộp)	-	-	-	95.156	95.156
	428.145	4.529.026	890.807	522.658	6.370.636
Công nợ tài chính					
Tiền gửi từ các tổ chức tín dụng khác	30.793	336.343	-	-	367.136
Tiền vay từ NHNNVN	-	-	14.880	-	14.880
Các nguồn vốn vay khác	-	-	52.454	-	52.454
Tiền gửi của khách hàng	5.219.243	174.473	126.891	-	5.520.607
	5.250.036	510.816	194.225	-	5.955.077

21**Tiền mặt và các khoản tương đương tiền**

	2005	2004
<i>Đơn vị: triệu VND</i>		
Tiền mặt tại quỹ	89.390	67.411
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	118.460	93.572
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	2.359.939	2.443.735
	2.567.789	2.604.718

Bao gồm trong số dư tiền và các khoản tương đương tiền là các khoản tiền và tương đương tiền bằng các loại tiền tệ

không phải là VND có giá trị tương đương 866.329 triệu VND (năm 2004: 2.366.942 triệu VND).

Phê duyệt bởi:

Lê Văn Bé
 Tổng giám đốc


Phạm Thị Tỷ
 Kế toán trưởng

